

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST

Ngày 21-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoành,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Phương, Bí thư Đảng ủy xã Tân Thịnh, huyện chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nguyên Bí thư huyện đoàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang);

2. Ông Quốc Văn Tài, cán bộ nghỉ hưu; trú tại: Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2020/TLST - HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST - HS ngày 31/12/2020, đối với các bị cáo:

1. **MA DUY M**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/11/2002 tại huyện C, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Duy B và bà Ma Thị D; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Bản án số: 37/2019/HSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt Ma Duy M 04 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2019;

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 33/QĐ-XPHC ngày 24/8/2020 của Công an huyện C, tỉnh T đối với Ma Duy M về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 1.000.000đồng, chưa chấp hành nộp phạt;

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

Người bào chữa cho bị cáo Ma Duy M: Bà Vũ Thanh Thủy, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, *có mặt.*

2. MA DOÃN T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 23/9/2003 tại huyện C, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Doãn L và bà Hoàng Thị L; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên tòa.*

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ma Doãn T: Ông Ma Doãn L, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo Ma Doãn T: Bà Nguyễn Thị Nguyệt, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, *có mặt.*

Bị hại: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T (đã chết). *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Quân Văn T2, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Quân Văn G, sinh ngày 23/5/2001; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

- Anh Ma Doãn T3, sinh ngày 01/01/2003; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

- Chị Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 28/6/2020, Ma Duy M tổ chức ăn cơm uống rượu tại nhà cùng với Ma Doãn T sinh ngày 23/9/2003, Quân Văn G sinh ngày 23/5/2001, Ma Đình T4 sinh ngày 25/7/2002 và Ma Doãn T3, sinh ngày 01/01/2003, trong lúc ăn cơm, uống rượu thì T hỏi T3 mượn xe gắn máy để đi

chơi (T3 không biết T mượn xe để đi luân hay hôm sau mới đi), T3 đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày thì mọi người ăn cơm xong, T3 và T4 đi về để lại xe gắn máy có số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD.....không gắn biển số cho T mượn. Khoảng 21 giờ 30 phút, G điều khiển xe mô tô của T mượn của T3 chở T và M đi hướng thôn N, xã T, huyện C chơi, đi được khoảng 500m thì T biết M đã uống rượu say, nhưng vẫn nói với G “*dừng xe lại cho thằng M lái xe*”, G nói “*để tao lái cho*”, T nói tiếp “*mày lái xe nhanh lắm cho thằng M lái đi*”, M đồng ý và điều khiển xe chở T và G đi theo hướng thôn N, xã T, huyện C, khi đi đến Km3+300 đường ĐH13 (thuộc thôn B, xã T, huyện C) do không chú ý quan sát và đi không đúng phần đường nên đã đâm vào đầu xe máy điện biển số đăng ký 22MĐ4 - 006... do Nguyễn Thị T1 sinh năm 1960, trú tại thôn B, xã T, huyện C đi theo hướng ngược lại. Hậu quả bà T1 chết trên đường đi cấp cứu, hai phương tiện bị hư hỏng; M, T và G chỉ bị xây sát nhẹ, không có đề nghị gì.

Kết quả khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là đường nhựa theo hướng thôn S đi thôn N, xã T, huyện C, mặt đường rộng 3,2m. Trên mặt đường phát hiện dấu vết cày mặt đường dài 0,22m rộng trung bình 0,09m chiều hướng từ thôn S đi thôn N, xã T, tâm đầu vết cách mép đường bên trái là 1,13m, tâm cuối vết cách mép đường bên trái là 1,18m (kí hiệu số 1).

Tại biên bản kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở lập hồi 23 giờ 47 phút ngày 28/6/2020 đối với Ma Duy M là: 0,345Miligam/1L khí thở.

Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: Xe hai bánh dưới 50cm³, nhãn hiệu Sanda Boos, màu nâu, số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD....., biển số 22FA - 028....., chủ xe Ma Doãn T3, sinh năm 2003, trú tại thôn N, xã T, huyện C, dung tích xi lanh 49,5cm³.

Tại kết luận giám định pháp y về tử thi số: 130/TT 20 ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Nguyên nhân chết của Nguyễn Thị T1 do Chấn thương sọ não.

Kết luận giám định số: 555/GĐ-KTHS ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Vị trí va chạm đầu tiên trên hiện trường giữa xe mô tô nhãn hiệu SANDA BOSS không biển số với xe máy điện biển số 22MĐ4-006.... tại phía trước điểm đầu vết cày mặt đường (vị trí số 01 trong biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông) và thuộc phần đường bên trái theo hướng S đi N.

- Dấu vết cong gập của lốp, xăm và vành bánh trước (số 1) của xe mô tô nhãn hiệu SANDA BOSS hình thành do va chạm với vết vỡ khuyết tại cạnh bên trái vành trước (số 1) của xe máy điện biển số 22MĐ4-006.... tạo nên là phù hợp.

- Tại thời điểm xảy ra va chạm, xe mô tô nhãn hiệu SANDA BOSS chuyển động nhanh hơn xe máy điện biển số 22MĐ4-006.... là phù hợp.

Kết luận giám định số: 4660/C09-P4 ngày 07/8/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Mẫu chất màu xanh thu tại vị trí số 4 trên hiện trường gửi giám định cùng loại với sơn màu xanh thu tại chấn bùm trước xe máy điện biển số đăng ký 22MĐ4-006.... gửi làm mẫu so sánh; Mẫu chất màu đen trên mảnh nhựa vỡ màu trắng thu giữ tại vị trí số 8 gửi giám định không cùng loại với màu sơn thu tại xe mô tô nhãn hiệu sanda Boos loại xe Dream màu nâu gửi làm mẫu so sánh

Kết luận định giá tài sản số: 76/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chiêm Hóa, kết luận: Giá trị bị hư hỏng của xe gắn máy có số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD..... là 1.790.000đ (*Một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cáo trạng số: 84/CT-VKS ngày 25/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố:

Ma Duy M về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Ma Doãn T về tội Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố đối với Ma Duy M và Ma Doãn T theo tội danh đã nêu trong cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

Tuyên bố Ma Duy M phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, Ma Doãn T phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”.

Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 47, 90, 91, 98, 101 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Ma Duy M từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn từ tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 26/8/2020.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 36, 47, 90, 91, 100 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Ma Doãn T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung:

Cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm đối với bị cáo Ma Duy M, bị cáo không có nghề nghiệp, xét thấy không cần thiết, đề nghị hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo Ma Doãn T không có tài sản riêng, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là người chưa thành niên, nên đề nghị không áp dụng phạt tiền và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Ma Duy M đã tác động với gia đình tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại nhất trí nội dung đã thỏa thuận, không yêu cầu xem xét thêm, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại, không xem xét thêm.

Anh Ma Doãn T3 yêu cầu bị cáo Ma Doãn T bồi thường về giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Sanda Boos, màu nâu, số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD....., biển số 22FA - 028.... số tiền 3.000.000 đồng; trước khi mở phiên tòa giữa anh T3 với bị cáo T và ông Ma Doãn L, bố đẻ là người đại diện hợp pháp của bị cáo T đã thống nhất về việc bồi thường giá trị phần xe máy bị hỏng và bồi thường là 2.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của bị cáo T đã thực hiện thanh toán đủ số tiền cho anh Ma Doãn T3. Xét thấy nội dung thỏa thuận bồi thường giữa anh T3 với bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị cáo T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cần ghi nhận sự thỏa thuận việc bồi thường, không đề nghị xem xét thêm.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã thu giữ 01 xe gắn máy nhãn hiệu sanda Boos loại xe Dream số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD....., qua xác minh chủ sở hữu hợp pháp là anh Ma Doãn T3, xét thấy tài sản trên thuộc quyền sở hữu của anh T3, việc các bị cáo sử dụng xe mô tô dẫn đến có hành vi phạm tội anh T3 không có lỗi, do đó đề nghị Hội đồng xét xử trả lại tài sản xe trên cho anh T3 quản lý, sử dụng.

Đối với 01 xe máy điện biển số 22MĐ4-006....., đăng ký đứng tên là Phạm Thị Thanh N. Mặc dù xe máy điện nêu trên do chị N đăng ký, nhưng quyền quản lý, sử dụng là của bà Nguyễn Thị T1 (do chị N đã mua và tặng cho bà T1), tại biên bản họp gia đình ngày 18/7/2020 đã thống nhất cử ông Quân Văn T2, là chồng bà T1 làm người đại diện hợp pháp của bị hại tham gia các hoạt động tố tụng. Tại phiên tòa cả ông T2, chị N đều xác định thống nhất cử ông T2 là người đại diện hợp pháp của người bị hại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cho ông Quân Văn T2 quản lý, sử dụng.

Đề nghị hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án của người tham gia tố tụng theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Duy M phát biểu quan điểm: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng và nội dung bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Khi phạm tội bị cáo Ma Duy M là người

chưa thành niên phạm tội, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, phạm tội với lỗi vô ý, mặc dù gia đình rất khó khăn thuộc hộ nghèo nhưng sau khi phạm tội đã tác động với bố mẹ để khắc phục bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 54, 90, 91 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Ma Duy M mức hình phạt thấp nhất, dưới mức điều luật quy định. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo với đại diện gia đình bị hại, bị cáo đã thực hiện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Doãn T phát biểu quan điểm: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng và nội dung bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Khi phạm tội và khi xét xử bị cáo Ma Doãn T dưới 18 tuổi, là người chưa thành niên phạm tội, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo, trước khi mở phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận thực hiện bồi thường thiệt hại về giá trị chiếc xe mô tô của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ma Doãn T3 2.000.000 đồng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 264; các điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 90, 91, 98, 100 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Ma Doãn T hình phạt cải tạo không giam giữ ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Về hình phạt bổ sung phạt tiền và khấu trừ thu nhập không áp dụng đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đã thực hiện xong, không phải xem xét.

Bị cáo Ma Duy M xác định: Ngày 28/6/2020 khi điều khiển xe gắn máy hiệu sanda Boos, loại xe Dream, số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD..... tham gia giao thông, đi theo hướng thôn N, xã T, huyện C, do không chú ý quan sát, đi không đúng phần đường và sử dụng rượu đã gây tai nạn đối với xe máy điện biển số đăng ký 22MĐ4 - 006.... do Nguyễn Thị T1 điều khiển đi theo hướng ngược lại, hậu quả bà T1 chết, đã vi phạm pháp luật. Nhất trí với nội dung cáo trạng, bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Nhất trí nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và không có ý kiến bổ sung thêm, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội, xin lỗi đại diện gia đình bị hại, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo Ma Doãn T xác định: Ngày 28/6/2020, khi ăn cơm tối tại gia đình Ma Duy M, T đã mượn xe mô tô của Ma Doãn T3 để đi chơi. Khi đi chơi lúc đầu Quân Văn G điều khiển xe mô tô có T ngồi giữa, M ngồi sau cùng. Khi đi được

khoảng 500 m, do G đi xe nhanh nên T đã yêu cầu G dừng xe lại để cho M lái. Khi G dừng xe mô tô để cho M điều khiển xe mô tô, T biết rõ Ma Duy M đã uống rượu (vì vừa ăn cơm, uống rượu tại nhà M xong), say rượu nhưng bị cáo đồng ý giao xe cho M điều khiển. Ma Duy M không làm chủ được tốc độ, đi không đúng đường, lấn sang phần đường của xe đi ngược chiều dẫn đến gây tai nạn giao thông, hậu quả làm bà Nguyễn Thị T1 chết, đã vi phạm pháp luật. Nhất trí với nội dung cáo trạng, bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Nhất trí nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và không có ý kiến bổ sung thêm, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án áp dụng đối với bị cáo. Về việc bồi thường thiệt hại về phần xe gắn máy của anh Ma Doãn T3, do bị cáo là người mượn xe của T3, bị cáo M là người điều khiển xe dẫn đến gây tai nạn và làm hỏng xe của T3, bản thân bị cáo cũng có một phần lỗi nên bị cáo và bố đẻ (ông L) đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại giá trị phần xe bị hỏng cho anh T3 số tiền 2.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo M phải hoàn trả số tiền nêu trên cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ma Doãn T: Nhất trí nội dung bản cáo trạng, bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo T và ý kiến của bị cáo Ma Doãn T, không có ý kiến bổ sung thêm. Phần bồi thường thiệt hại xe mô tô cho anh Ma Doãn T3 ông đã thực hiện bồi thường thay cho bị cáo Ma Doãn T số tiền 2.000.000 đồng. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Nhất trí nội dung cáo trạng, bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Người trực tiếp đi xe mô tô gây tai nạn dẫn đến vợ ông bà Nguyễn Thị T1 bị chết là Ma Duy M. Trong giai đoạn điều tra vụ án ngày 20/8/2020 bố đẻ bị cáo M có đưa cho gia đình ông số tiền 30.000.000 đồng để hỗ trợ mai táng phí. Điều kiện gia đình bị cáo M khó khăn, bản thân bị cáo M không có tài sản, không nghề nghiệp, ông không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với vợ ông do tính mạng bị xâm phạm. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo M, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm minh theo quy định. Đối với chiếc xe máy điện biển đăng ký 22MĐ4 - 006.... cơ quan chức năng đã tạm giữ trong giai đoạn điều tra đề nghị Hội đồng xét xử trả cho ông để quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Phạm Thị Thanh N xác định: Chiếc xe máy điện biển số đăng ký 22MĐ4 - 006...., được đăng ký tại Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang ngày 25/7/2018, đứng tên đăng ký là chị. Xe máy điện này do chị, chồng chị và các thành viên trong gia đình góp tiền mua cho bà Nguyễn Thị T1 (mẹ chồng chị) quản lý, sử dụng. Ngày 28/6/2020, bị

cáo Ma Duy M gây tai nạn giao thông đối với bà Nguyễn Thị T1, hậu quả bà T1 chết, quá trình giải quyết vụ án ngày 18/7/2020 gia đình đã họp thống nhất cử bố chồng là ông Quân Văn T2 đại diện gia đình tham gia các hoạt động tố tụng trong giải quyết vụ án; chỉ nhất trí với ý kiến của ông T2, các nội dung cụ thể trong vụ án do ông T2 xem xét quyết định theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ma Doãn T3 xác định: là chủ xe gắn máy hiệu sanda Boos, loại xe Dream, số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD....., biển số đăng ký 22FA - 028..... Vào tối ngày 28/6/2020, khi ăn cơm tại gia đình Ma Duy M, Ma Doãn T đã hỏi mượn xe để đi chơi, anh đã nhất trí cho Ma Doãn T mượn xe, sau đó anh đi về nhà trước. Việc bị cáo M và T sử dụng xe mô tô tham gia giao thông sau đó gây tai nạn đối với bà Nguyễn Thị T1 anh không có lỗi, anh yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô hiện đang bị tạm giữ, phần xe bị hỏng giữa anh với bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị cáo T (ông L) đã thống nhất về mức bồi thường, số tiền 2.000.000 đồng anh đã nhận đủ, không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Quân Văn G xác định: Tối ngày 28/6/2020 được dự ăn cơm tại gia đình Ma Duy M. Sau khi Ma Doãn T mượn xe gắn máy của Ma Doãn T3, khi đi chơi lúc đầu G điều khiển xe gắn máy, sau đó T yêu cầu G để cho M điều khiển xe, M đi được một đoạn thì gây tai nạn giao thông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Ma Duy M, Ma Doãn T khai nhận hành vi phạm tội của mình; nội dung nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 28/6/2020, tại Km3+300 đường ĐH13, thuộc

thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T Ma Duy M đã có hành vi điều khiển xe gắn máy hiệu sanda Boos, loại xe Dream, số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD..... đi theo hướng thôn N, xã T, huyện C, do không chú ý quan sát, đi không đúng phần đường và sử dụng rượu vượt quá mức quy định, gây tai nạn với xe máy điện biển số đăng ký 22MD4 - 006.... do Nguyễn Thị T1, trú tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh T đi theo hướng ngược lại, hậu quả bà T1 chết trên đường đi cấp cứu. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 26/8/2020, Ma Doãn T đã có hành vi giao xe gắn máy cho Ma Duy M khi biết rõ M đã uống rượu, say rượu điều khiển xe mô tô dẫn đến gây tai nạn, hậu quả làm bà Nguyễn Thị T1 chết trên đường đi cấp cứu.

Căn cứ mục 3.32 Điều 3 phần 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 41:2019/BGTVT ban hành theo Thông tư số 54/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ giao thông vận tải, xe máy hai bánh dưới 50cm³ bị cáo Ma Duy M sử dụng được xác định là xe gắn máy; căn cứ điểm 18 Điều 3 Luật giao thông đường bộ, xe gắn máy thuộc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Các bị cáo Ma Duy M, Ma Doãn T tham gia giao thông nhưng không chấp hành quy định của pháp luật về an toàn giao thông đường bộ. Bị cáo Ma Duy M tham gia giao thông do không chú ý quan sát, đi không đúng phần đường, sử dụng rượu với nồng độ cồn trong hơi thở là: 0,345 Miligam/1L khí thở, vượt quá mức quy định đã vi phạm khoản 8 Điều 8, khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 17 Luật giao thông đường bộ.

Luật giao thông đường bộ quy định: Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm: ...8. *"Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn. Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở"*. Điều 9. Quy tắc chung: 1. *"Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ"*. Điều 17. Tránh xe đi ngược chiều: 1. *"Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình"*.

Bị cáo Ma Doãn T biết bị cáo Ma Duy M đã uống rượu nhưng vẫn giao xe gắn máy cho bị cáo M điều khiển, vi phạm khoản 10 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Điều 8: Các hành vi nghiêm cấm: ...10. *"Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ"....*

Hành vi của bị cáo Ma Duy M đã phạm vào tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Ma Doãn T đã phạm vào tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về giao thông đường bộ, an toàn công cộng, trật tự công cộng, an toàn về tính mạng, sức khỏe của công dân, do đó việc xử lý về hình sự đối với các bị cáo là cần thiết, đảm bảo tính răn đe, trừng trị, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định pháp luật về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với các bị cáo.

Bị cáo Ma Duy M có nhân thân xấu, bản án số 37/2019/HSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội trộm cắp tài sản, thời gian thử thách tính từ ngày 28/6/2019. Trong thời gian chấp hành bản án, ngày 18/6/2020 Ma Duy M có hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng, ngày 24/8/2020 Công an huyện C, tỉnh T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33/QĐ-XPHC, phạt tiền 1.000.000 đồng; ngày 28/6/2020 bị cáo có hành vi phạm tội mới.

Về việc chấp hành bản án của bị cáo Ma Duy M: Tại khoản 4 Điều 85 Luật thi hành án hình sự về Thi hành quyết định thi hành án treo quy định: ...“*Trước khi hết thời gian thử thách 03 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục bàn giao hồ sơ giám sát, giáo dục cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu. Vào ngày cuối cùng của thời gian thử thách, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải cấp giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách. Giấy chứng nhận phải gửi cho người được hưởng án treo, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở*”. Ngày bị cáo Ma Duy M phạm tội mới là trong ngày cuối cùng chấp hành bản án hình sự mà có hình phạt tù cho hưởng án treo. Theo quy định nêu trên, bị cáo Ma Duy M được xác định đã chấp hành xong thời gian thử thách của bản án số 37/2019/HSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự là buộc chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Việc xác định án tích bị cáo Ma Duy M: Khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự (quy định về xóa án tích) như sau: “1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: ...b. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý”. Mặc dù bị cáo Ma Duy M có hành vi trộm cắp tài sản vi phạm pháp luật và phạm tội mới trong thời gian đang chấp hành bản án theo quy định chung chưa được xóa án tích, nhưng do bị cáo là người chưa thành niên khi phạm tội, bản án đã xét xử là tội ít nghiêm trọng, nên được xác định là không có án tích. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn”, “Có ông, bà nội là người có công trong kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng (bà Ma Thị P được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng ba, ông Mai Duy T được tặng thưởng huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba)” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và chương XII những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Bị cáo Ma Doãn T trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn” theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và chương XII những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo được áp dụng và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi (bị cáo M 17 tuổi 07 tháng 08 ngày, bị cáo T được 16 tuổi 09 tháng 05 ngày), nhận thức pháp luật còn hạn chế; khi xét xử bị cáo M được 18 tuổi 02 tháng 01 ngày, bị cáo T được 17 tuổi 03 tháng 28 ngày. Bị cáo M phạm tội thuộc trường hợp do lỗi vô ý, thời điểm xét xử đã thành niên, có nhân thân xấu, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, thời điểm xét xử là người chưa thành niên, nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 6 Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy bị cáo Ma Duy M không có nghề nghiệp, không thuộc trường hợp vi phạm quy tắc nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Khoản 5 Điều 264 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội có thể bị khấu trừ một phần thu nhập..., xét thấy bị cáo Ma Doãn T thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập, là người chưa thành niên, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại, tại giai đoạn điều tra, người đại diện hợp pháp của bị cáo và đại diện gia đình bị hại đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường hỗ trợ chi phí mai táng phí cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên nội dung đã thỏa thuận. Người đại diện hợp pháp của người bị hại xác định bị cáo, gia đình bị cáo hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm. Xét thấy tại giai đoạn điều tra vụ án người đại diện hợp pháp của bị cáo và đại diện gia đình bị hại đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận hỗ trợ, bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường nêu trên. Việc người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, là thể hiện ý chí cá nhân, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét thêm.

Đối với anh Ma Doãn T3 bị thiệt hại xe gắn máy bị hư hỏng, trong giai đoạn điều tra yêu cầu bị cáo Ma Doãn T bồi thường thiệt hại tài sản là 3.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo T là người đã mượn xe gắn máy của anh T3, sau đó đã giao cho bị cáo M điều khiển gây tai nạn giao thông, gây hậu quả chết người và hư hỏng tài sản xe gắn máy của anh T3, về nguyên tắc cần buộc các bị cáo thanh toán, bồi thường thiệt hại giá trị xe gắn máy bị hư hỏng đã được xác định. Trước khi mở phiên tòa giữa bị cáo T, người đại diện hợp pháp của bị cáo T (ông L) đã thống nhất với anh T3 mức bồi thường thiệt hại về tài sản xe gắn máy bị hư hỏng số tiền 2.000.000 đồng, ông L đã tự nguyện thanh toán tiền xong cho anh T3. Tại phiên tòa bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị cáo T (ông L) không yêu cầu bị cáo M phải hoàn trả phần tiền này, do đó Hội đồng xét xử cần

ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản giữa bị cáo T, người đại diện hợp pháp của bị cáo T với anh Ma Doãn T3, không phải xem xét thêm.

Đối với xe máy điện biển số 22MĐ4-006.... của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu xem xét việc bồi thường thiệt hại phần xe bị hư hỏng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe gắn máy nhãn hiệu sanda Boos loại xe Dream số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD....., xe thuộc quyền sở hữu của anh Ma Doãn T3, do đó cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

Đối với và 01 xe máy điện biển số 22MĐ4-006.... của bị hại, cần trả cho người đại diện hợp pháp của bị hại quản lý, sử dụng theo quy định.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Ma Doãn T, người bào chữa cho bị cáo Ma Doãn T, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 48, 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016 - UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Ma Duy M phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Xử phạt Ma Duy M, 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 26/8/2020.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 264; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 36, 48, 90, 91, 100 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016 - UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Ma Doãn T phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”. Xử phạt Ma Doãn T, 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao Ma

Doãn T cho Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục. Không khấu trừ thu nhập đối với Ma Doãn T.

Ghi nhận bị cáo Ma Duy M đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại (ông Quân Văn T2) số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo Ma Doãn T và người đại diện hợp pháp của Ma Doãn T (ông Ma Doãn L) bồi thường cho anh Ma Doãn T3 số tiền 2.000.000 đồng.

Trả lại cho ông Quân Văn T2 01 xe máy điện biển số 22MĐ4-006....; trả lại cho anh Ma Doãn T3 01 xe gắn máy nhãn hiệu sanda Boos loại xe Dream số khung RMNDCGUN4JH....., số máy VHL150FMGSD..... Tình trạng tài sản theo như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 04/12/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa.

Các bị cáo Ma Duy M, Ma Doãn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Ma Doãn T, người bào chữa cho bị cáo Ma Doãn T, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/01/2021.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Người ĐDHP của bị hại;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoành